

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 534/2024/DS-PT
Ngày 26-9-2024
V/v tranh chấp quyền về lối đi qua

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2024/TLPT-DS ngày 02/7/2024 về “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2584/2024/QĐ-PT ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Đào Văn T, sinh năm 1961

1.2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1962

1.3. Anh Đào Rô N, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số nhà G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà A, khu dân cư S, khu phố M, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ1 Rô Nam: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số nhà A, khu dân cư S, khu phố M, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh M1, sinh năm 1976

Địa chỉ: C, P209 T, N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: Số B H, Đường B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đinh Thị Bé M2, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số nhà F, Tổ F, Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người làm chứng (do bị đơn mời):* Anh Nguyễn Châu P, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà A, Tổ C, Ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ, anh Đào Rô N và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Hộ gia đình ông Đào Văn T là chủ sử dụng thửa đất số 262, tờ bản đồ số 06, tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Thửa đất giáp ranh liền kề với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36, diện tích 5.488,1m² trước đây thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Văn H và hiện nay người đứng tên quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Thanh M1.

Do vị trí thửa đất của nguyên đơn không tiếp giáp với Quốc lộ E nên hơn 40 năm nay hộ ông T phải sử dụng 01 lối đi duy nhất qua thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36 để ra lộ công cộng. Việc sử dụng lối đi này diễn ra liên tục, lâu dài mà không có tranh chấp. Tuy nhiên, gần đây ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh M1 thì gia đình ông T gặp phải sự cản trở từ ông H và bà M1 khi họ xây dựng hàng rào chắn phần mặt trước thửa đất số 66. Gia đình ông T nhiều lần thương lượng với ông H, bà M1 nhưng không thành.

Nguyên đơn yêu cầu bà M1 dành một lối đi từ đất gia đình ông T ra đến Quốc lộ E nằm ở phía Tây Nam thửa đất với tổng diện tích 102,1m² có kí hiệu 66a, thuộc một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T do bà M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, hạn chế quyền sử dụng đất của bà M1 đối với diện tích làm lối đi mà nguyên đơn yêu cầu được sử dụng và giới hạn chiều cao là 04m tính từ mặt đất. Gia đình ông T đồng ý bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất yêu cầu làm lối đi nêu trên theo giá do Hội đồng định giá đã định.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà M1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận ngày 06/4/2022 nên có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay, nguyên đơn không có gặp bà M1 để thỏa thuận bất kỳ vấn đề gì về lối đi ra đường công cộng.

Đối với yêu cầu của các nguyên đơn về việc mở lối đi có chiều ngang 02m, chiều dài từ phần đất của nguyên đơn đến Quốc lộ E với tổng diện tích 102,1m²

thuộc phần có kí hiệu 66a, tờ bản đồ số 36 thì M1 không đồng ý. Bởi lẽ, phần đất bà M1 có phần chiều ngang giáp Quốc lộ E hẹp nếu mở lối đi thì chỉ còn lại 12m không đảm bảo cho nhu cầu sử dụng đất của bà M1. Trong trường hợp nguyên đơn không còn lối đi nào khác thì bà M1 chỉ đồng ý cho nguyên đơn mở lối đi ở phía cuối đất với chiều rộng 02m. Về kết quả định giá tài sản, bà M1 không đồng ý nhưng không yêu cầu định giá lại.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 164, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ và anh Đào Rô N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M1.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M1 dành cho ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ và anh Đào Rô N lối đi có diện tích 75,1m² được kí hiệu 66a1, thuộc một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36m tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ và anh Đào Rô N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M1 giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 185.497.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng) và giá trị 01 cây dừa là 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi một phần nội dung kháng cáo, bà M2 trình bày: Ngoài lối đi yêu cầu, thì nguyên đơn vẫn có thể đi qua đất ông V nên bị đơn không đồng ý yêu cầu mở lối đi. Đồng thời, việc mở lối đi phải đảm bảo quyền lợi cho người bị yêu cầu, trong khi đó hiện tại bà M1 đã ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh P, nếu mở lối đi cho gia đình ông T thì hợp đồng giữa anh P với bà M1 không thể thực hiện được, bà M1 sẽ phải bồi thường thiệt hại. Đây là tình tiết mới phát sinh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hoặc các bên thoả thuận được với nhau về việc mở lối đi trên phần đất phía sau của bà M1 thì không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, bà M trình bày: Bị đơn cho rằng nguyên đơn còn có lối đi khác là không đúng với nội dung Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Gia đình ông T chỉ có lối đi duy nhất là lối đi mà

cấp sơ thẩm đã tuyên, nguyên đơn cũng phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M1 với anh P, do hiện tại anh P chưa đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nguyên đơn yêu cầu bà M1 mở lối đi là phù hợp. Đồng thời, hợp đồng đặt cọc giữa các bên cũng chỉ là bản phô tô nên không có căn cứ để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người làm chứng anh Nguyễn Châu P trình bày: Anh đã nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng đặt cọc với bà Nguyễn Thị Thanh M1 tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, hồ sơ của anh đã được tiếp nhận, đang trong quá trình xem xét để thụ lý. Phần đất các bên tranh chấp hợp đồng đặt cọc là phần đất mà gia đình ông T yêu cầu mở lối đi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh M1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh M1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đào Rô N có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng phần đất của mình bị vây bọc nên yêu cầu bị đơn mở lối đi từ phần đất gia đình nguyên đơn thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 36 ra đến Quốc lộ E có tổng diện tích 102,1m² thuộc phần đất có kí hiệu 66a, thuộc một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (theo họa đồ thửa đất đo đạc ngày 20/6/2023) do bà Nguyễn Thị Thanh M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi đó, bị đơn cho rằng phần đất giáp mặt tiền Quốc lộ E của bị đơn hẹp, đồng thời nguyên đơn còn có thể đi trên lối đi khác nên không đồng ý mở lối đi này.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì phần đất của nguyên đơn không có cạnh tiếp giáp với đường công cộng, xung quanh bị bao bọc bởi các thửa đất số 92, 414 và thửa đất số 66 cùng tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T. Do đó, căn cứ Điều 254 Bộ Luật dân sự năm 2015 nguyên đơn có quyền yêu cầu mở lối đi.

[2.3] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú thì tại vị trí các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi hiện trạng đã có lối mòn là đường đất, trên đất có 03 cây trụ điện bằng bê tông do gia đình nguyên đơn lắp đặt để kéo đường dây điện vào nhà sử dụng và 01 cây dừa loại 1 đang cho trái do chủ đất cũ trồng trước khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M1. Phía sau thửa đất của bà M1 hiện trạng là ao giáp ranh với các chủ đất khác. Ngoài vị trí yêu cầu mở lối đi, xung quanh phần đất của nguyên đơn bị bao bọc bởi các bất động sản khác đã xây dựng tường rào xung quanh. Đồng thời, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thì các hướng đi mà bị đơn cho rằng nguyên đơn có thể mở lối đi đều không thuận tiện để mở lối đi, cụ thể: Hướng đi qua đất ông L không có lối đi hiện hữu, phải qua nhiều thửa đất hoặc phải qua ao sâu không phù hợp mở lối đi; hướng đi qua đất ông V là đường đi nội bộ trong khu nuôi thủy sản của gia đình ông V; hướng đi phía trước nhà ông T đã bị rào bởi bức tường bê tông và phải qua ao nuôi thủy sản của ông V. Như vậy, lối đi mà nguyên đơn yêu cầu là lối đi hiện hữu, đã tồn tại lâu năm, việc mở lối đi này là thuận tiện và hợp lý nhất nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp các tài liệu và trình bày về việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36 giữa bà Nguyễn Thị Thanh M1 và anh Nguyễn Châu P. Tuy nhiên, hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/4/2022 mà bị đơn cung cấp là bản phô tô, không có công chứng, chứng thực nên không có cơ sở xem xét tính xác thực của việc chuyển nhượng. Hơn nữa, hiện tại bà M1 vẫn đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 66 nên việc giải quyết yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh P. Do đó, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị đơn là không phù hợp.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên hạn chế quyền sử dụng đất của bị đơn và quyền đăng ký quyền đối với thửa đất liền kề của nguyên đơn là có thiếu sót, cấp phúc thẩm bổ sung thêm nội dung này.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Tại cấp phúc thẩm, chi phí tố tụng phát sinh là 522.000 đồng. Do yêu cầu kháng cáo của bà M1 không được chấp nhận nên buộc bà M1 phải chịu toàn bộ số tiền 522.000 đồng.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh M1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh M1;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 164, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ và anh Đào Rô N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M1 về việc tranh chấp quyền về lối đi qua.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M1 dành cho ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ và anh Đào Rô N lối đi có diện tích 75,1m² thuộc phần đất có kí hiệu 66a1, thuộc một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 36, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có họa đồ thửa đất kèm theo).

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thanh M1 đối với diện tích đất làm lối đi mà ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ và anh Đào Rô N được quyền sử dụng.

Ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ và anh Đ1 Rô Nam được quyền đăng ký quyền đối với thửa đất liền kề tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Buộc ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ và anh Đào Rô N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M1 giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 185.497.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng) và giá trị 01 cây dừa là 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng 4.403.000 đồng (chi phí phát sinh tại cấp phúc thẩm là 522.000 đồng). Buộc ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ, anh Đào Rô N phải chịu 3.881.000đ (Ba triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng) và đã nộp xong. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M1 phải chịu 522.000đ (Năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) và đã nộp xong.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Ông Đào Văn T, bà Lê Thị Đ được miễn.

Buộc anh Đ1 Rô Nam chịu 3.119.000đ (Ba triệu một trăm mười chín nghìn

đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007327 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Anh Đào Rô N còn phải nộp số tiền còn lại là 619.000đ (Sáu trăm mười chín nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M1 chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[3.2] Án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001361 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng